

BÀN VỀ

VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỒN DỌNG Qua thực tiễn ở miền Tây Nam Bộ

■ PHẠM HOÀI THUẬN *

Khu vực miền Tây Nam Bộ có 12 tỉnh và thành phố Cần Thơ; có 130 đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc cấp tỉnh; có 17.192.593 dân cư sinh sống với mật độ khoảng 431 người/km².

Miền Tây Nam Bộ còn gọi là khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Dân cư sinh sống là nông nghiệp nông thôn; thu nhập chính của dân cư có được từ lúa nước và một ít diện tích đất trồng cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản ven biển và vùng nước ngọt trên sông Tiền và sông Hậu; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và đầu tư nước ngoài rất hạn chế nên thu nhập dân cư không ổn định; đặc điểm chung của thu nhập dân cư là theo mùa và theo thời vụ; bình quân thu nhập dân cư khu vực khoảng 1.000 USD/đầu người của năm 2010. Phần lớn thanh niên nam nữ trong độ tuổi lao động, di lao động phổ thông là công nhân công nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Chính vì thu nhập bình quân thấp, không ổn định, nên các vụ việc tranh chấp hợp đồng trong sản xuất kinh doanh khi có rủi ro đều không có đủ tài sản đảm bảo khoản bồi thường thiệt hại. Bên cạnh đó, có số ít dân cư vùng nông thôn có truyền thống

chơi hụi, họ, cho vay nặng lãi, cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình trật tự xã hội nông thôn, xảy ra tranh chấp và không đủ khả năng hoàn trả.

Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long còn bị chia cắt bởi nhiều sông rạch, giao thông cách trở và chịu ảnh hưởng nặng nề mùa nước lũ hàng năm, nhất là các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang làm thiệt hại đến người và tài sản của nhân dân. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho số lượng vụ việc án dân sự chưa có điều kiện thi hành ngày càng nhiều hơn, là một trong những nguyên nhân án dân sự tồn đọng.

1. Cần phân loại việc thi hành án dân sự tồn đọng cho chính xác

Việc thi hành án dân sự tồn đọng là loại vụ việc án có điều kiện thi hành mà do lượng công việc quá tải, nên chấp hành viên chưa tổ chức thi hành hay đã tổ chức thi hành nhưng không liên tục, tác động đến kết quả cuối cùng hoặc chấp hành viên thiếu trách nhiệm, không thường xuyên tổ chức thi hành, việc thi hành án để kéo dài do lỗi khách quan hoặc chủ quan của chấp hành viên.

Phân tích thực trạng số vụ việc án dân sự tồn đọng thời gian qua, cần xem xét lại một số trường

* Cơ quan đại diện của Bộ Tư pháp tại TP. Hồ Chí Minh

hợp sau đây:

- Những vụ việc án có điều kiện thi hành mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền như Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án yêu cầu hoãn, tạm đình chỉ theo quy định tại Điều 48, 49 Luật Thi hành án dân sự, là những vụ việc án được pháp luật cho phép tạm thời ngừng các hoạt động thi hành án và trên sổ sách theo dõi của cơ quan thi hành án vẫn tồn tại, nhưng không nên cho là án tồn đọng.

- Những vụ việc án phải thi hành theo định kỳ, án cấp dưỡng thường xuyên theo từng tháng, từng năm; những bản án, quyết định của Tòa án tuyên không rõ, khó thi hành không phải là án tồn đọng.

- Những vụ việc án phải thi hành để thu về cho ngân sách nhà nước mà chưa có điều kiện thi hành, cơ quan thi hành án đã ra quyết định hoãn thi hành án theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự không phải là loại án tồn đọng. Đây là những vụ việc án được pháp luật cho phép tạm thời ngừng các hoạt động thi hành án cho đến khi có điều kiện thi hành và trên sổ sách theo dõi việc án của cơ quan thi hành án vẫn còn tồn tại. Ngược lại, những vụ việc án phải thi hành thu về cho cá nhân và tổ chức, nếu chưa có điều kiện thi hành, thì cơ quan thi hành án ra quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án là xóa sổ thụ lý, không còn trên sổ sách theo dõi.

Thực tế hiện nay tồn tại số lượng án không lớn, mặc dù đang có điều kiện thi hành, nhưng chưa thống nhất giữa các cơ quan, chính quyền, đoàn thể và các cơ quan tư pháp về quan điểm-thi hành vụ việc án. Đây cũng là loại án tồn đọng do chủ quan của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, nhưng lại khách quan đối với cơ quan thi hành án.

Theo phân tích trên các số liệu trong các báo cáo phân tích tình hình và báo cáo thống kê của cơ quan thi hành án dân sự, như các số liệu vụ việc án

và tiền phải thi hành; số vụ việc án và tiền đã thi hành xong; số vụ việc án và tiền chuyển sang kỳ sau... nếu nói số vụ việc án và tiền chuyển sang kỳ sau là tồn đọng thì không chính xác; vì trong đó có nhiều loại vụ việc án có điều kiện đang thi hành theo định kỳ; án có điều kiện đang tổ chức thi hành đúng trình tự thủ tục và tiến độ, nhưng chưa có kết quả; án có điều kiện đang được tổ chức thi hành nhưng quan điểm thi hành giữa các cơ quan chưa thống nhất; án chưa có điều kiện thi hành đã có quyết định hoãn, tạm đình chỉ... những vụ việc án này không phải loại án tồn đọng.

Cũng theo phân tích trên, chủ trương giao chỉ tiêu nhiệm vụ kéo giảm án tồn đọng lâu nay là hoàn toàn đúng đắn, nhưng chỉ giảm được án tồn đọng thật sự, còn vụ việc án thi hành theo định kỳ, án cấp dưỡng thi hành đều, án đã có quyết định hoãn hay tạm đình chỉ thi hành thì không thể giảm được, mà mỗi năm có thể tăng lên.

Thực chất tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, án tồn đọng thật sự không nhiều và mỗi năm đều tăng lên là hệ quả tất yếu của thời gian và tỷ lệ thuận với số lượng vụ việc án thụ lý; trong khi biên chế cán bộ có tăng, nhưng không tương xứng với số án thụ lý mới tăng. Vì vậy, trên số liệu tổng thể của báo cáo thống kê hay báo cáo phân tích tình hình thi hành án, số vụ việc án và tiền chuyển sang kỳ sau tăng lên là hệ quả tất yếu khách quan.

2. Nguyên nhân dẫn tới việc thi hành án dân sự tồn đọng

2.1. Trước hết, do những quy định của pháp luật chưa đầy đủ, còn chồng chéo, còn bỏ ngỏ; chưa đủ tầm răn đe đối với người phải thi hành án, người được thi hành án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong thi hành án dân sự

Luật Thi hành án dân sự quy định mức xử phạt hành chính, quyền hạn của chấp hành viên, thẩm tra viên chưa đủ tầm răn đe đối với người được thi

hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong thi hành án dân sự; quy định đối tượng, điều kiện, thời gian xét giảm - miễn nghĩa vụ thi hành án còn bỏ ngỏ, không khả thi.

Tại Điều 61 Luật Thi hành án dân sự quy định điều kiện xét miễn nghĩa vụ thi hành án cho người không có tài sản để thi hành phải có thời gian 5 năm đối với khoản thu nộp án phí không có giá ngạch, tức chỉ có 50 ngàn đồng; 10 năm đối với các khoản thu nộp ngân sách dưới 5 triệu đồng. Như vậy, nếu án phí có giá ngạch hoặc không phải là án phí thì không được xét miễn, cho dù số tiền phải thi hành án chỉ vài chục ngàn đồng. Quy định việc xét miễn nghĩa vụ thi hành án khi đã thi hành án thu được một phần nộp ngân sách nhà nước khi có đủ 5 năm đối với số tiền còn lại dưới 5 triệu đồng; 10 năm đối với số tiền còn lại dưới 10 triệu đồng. Như vậy, nếu cơ quan thi hành án chưa thu được thì không được xét miễn.

Cũng tại điều này, quy định điều kiện xét giảm nghĩa vụ thi hành án khoản tiền nộp ngân sách nhà nước đã thu được một phần khi có đủ 5 năm đối với số tiền còn lại từ 10 triệu đến 100 triệu đồng; 10 năm đối với số tiền còn lại trên 100 triệu đồng. Theo đó, tại Điều 26 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 09/9/2009 của Chính phủ quy định điều kiện phải thu được ít nhất 1/20 khoản tiền phải thi hành án; đồng thời quy định đối với số tiền còn lại từ 10 triệu đến 100 triệu đồng thì mỗi lần xét giảm không quá 1/3 và trên 100 triệu thì mỗi lần xét giảm không quá 1/5 đối với số tiền còn phải thi hành án.

Như vậy, làm bài toán tính thời gian án tồn đọng cho loại việc án xét giảm khi có đủ 5 năm đối với số tiền còn lại từ 10 đến 100 triệu và mỗi lần giảm 1/3, tức là 8 năm sau mới kết thúc việc án; đối với số tiền trên 100 triệu đồng khi có đủ 10 năm và

mỗi lần giảm 1/5 số tiền còn lại, tức là 15 năm sau mới kết thúc việc án.

Bên cạnh đó, tại Điều 104 Luật Thi hành án dân sự quy định tài sản bán đấu giá không thành thì được giảm giá nhiều lần cho đến khi thấp hơn chi phí cưỡng chế, nghĩa là phải tổ chức bán đấu giá nhiều lần cho một tài sản đã kê biên thì có những mặt tích cực và hạn chế nhất định. Hiện nay, loại việc này tiến độ thi hành vụ việc án rất chậm dẫn đến án tồn khá lớn; cần cho phép sau hai lần giảm giá mà không có người mua nếu có một bên đương sự đồng ý nhận hoặc đồng ý giao, thì được phép cưỡng chế buộc giao hoặc yêu cầu người được thi hành án nhận để trừ tiền thi hành án.

Luật Đất đai và một số ngành luật khác cũng như một số văn bản hướng dẫn chuyên ngành, khi chuyển quyền sử dụng đất không kèm theo giấy chứng nhận và không có chữ ký của người đang có quyền sử dụng đất, thì không được lập thủ tục chuyển quyền sử dụng; đất lâm nghiệp thuộc khu vực rừng phòng hộ thì không được chuyển quyền sử dụng cho người khác, trong khi người phải thi hành án không có tài sản nào khác ngoài đất và đất rừng phòng hộ. Cơ quan thi hành án cưỡng chế kê biên bán đấu giá tài sản là không thể thu giữ được giấy tờ chứng nhận về tài sản, không thể có chữ ký đồng thuận của chủ tài sản bị cưỡng chế. Tương tự, các phương tiện giao thông thủy, bộ cũng có quy định như trên.

2.2. Một nguyên nhân quan trọng là do cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ so với yêu cầu nhiệm vụ hiện nay của cơ quan thi hành án dân sự cũng như nhiệm vụ lâu dài của cơ quan này

Tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh không được thống nhất; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi phòng bao quát nhiều công việc chồng chéo nhau như Văn phòng Cục phải đảm đương

công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, thi đua khen thưởng, hành chính, quản trị, tổng hợp và kế toán tài vụ; Phòng Nghiệp vụ tổ chức thi hành án chịu trách nhiệm tổ chức thi hành tất cả các loại án... Như vậy hoạt động của cán bộ không chuyên sâu, chuyên môn hóa, đưa đến hệ quả là chất lượng hoàn thành công việc không cao.

Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện không có cơ cấu tổ chức bộ máy, mà Chi cục trưởng lãnh đạo điều hành hoạt động trực tiếp đến từng chấp hành viên, thẩm tra viên, thư ký thi hành án và cán bộ hành chính khác, từ công việc tổ chức hành chính đến chuyên môn nghiệp vụ của một cơ quan là hết sức khó khăn phức tạp; đồng thời còn phải thực hiện chức trách của một chấp hành viên trực tiếp thi hành vụ việc án.

Với tổ chức bộ máy như vậy, công việc vừa quá tải, vừa phức tạp, cán bộ khó có thể hoàn thành nhiệm vụ như mong muốn và chất lượng công việc đạt được không cao.

Biên chế cán bộ và cơ cấu chức danh công chức hiện đang bị hụt hẫng trên nhiều khía cạnh, như số lượng cán bộ không đủ đáp ứng yêu cầu công tác chuyên môn; cơ cấu tỷ lệ % chấp hành viên, thẩm tra viên, thư ký, cán bộ hành chính văn phòng trên tổng biên chế cán bộ của cơ quan thi hành án chưa phù hợp. Theo số liệu chưa đầy đủ, hiện nay bình quân khoảng 120 biên chế cán bộ cho tất cả các cơ quan thi hành án của một tỉnh, trong đó, cấp tỉnh có khoảng 23 biên chế, cấp huyện có khoảng 09 biên chế; chấp hành viên cấp tỉnh có khoảng 04 người, cấp huyện có khoảng 2,5 người; thẩm tra viên cấp tỉnh có khoảng 02 người, cấp huyện có khoảng 0,4 người; ngoài ra, còn có thư ký thi hành án và cán bộ tổ chức, hành chính, văn phòng, số người không đáng kể; trong khi trình tự thủ tục tổ chức thi hành một vụ việc thi hành án, đòi hỏi phải trải qua nhiều công đoạn, chiếm nhiều thời gian,

với sự phối hợp của nhiều cơ quan, là chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Bình quân mỗi năm một chấp hành viên được giao từ 350 đến 450 vụ việc phải thi hành; cá biệt tại TP. Hồ Chí Minh, có nơi lên đến hàng ngàn vụ việc trên một chấp hành viên.

Số lượng biên chế cán bộ, cơ cấu các chức danh công chức của cơ quan thi hành án dân sự như hiện nay là quá tải so với công việc, đã tác động ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ được giao của cán bộ nói riêng, của mỗi cơ quan thi hành án và của toàn ngành là điều tất yếu.

Nguyên nhân về khách quan cho thấy: Những khó khăn vướng mắc từ cơ chế pháp lý ràng buộc do những quy định của pháp luật chưa cụ thể rõ ràng, còn chồng lấn nhau giữa các quy định. Từ đó, mỗi người, mỗi ngành, mỗi địa phương có quan điểm riêng; nên chấp hành viên không dám tổ chức thi hành. Thực tiễn cũng cho thấy, hành lang pháp lý để bảo vệ các hoạt động của chấp hành viên nói riêng và của cán bộ hoạt động tư pháp nói chung chưa chặt chẽ, chưa đủ sức thuyết phục bản lĩnh của người thi hành công vụ.

Bên cạnh đó, một số bản án, quyết định của Tòa án tuyên chưa rõ ràng cụ thể hoặc có quan điểm khác nhau của các cơ quan, chính quyền, đoàn thể mặt trận và dư luận quần chúng trong xã hội quan tâm, nên chấp hành viên chưa tổ chức thi hành. Những bản án, quyết định đang tổ chức thi hành mà có kiến nghị hoặc kháng nghị của cơ quan có thẩm quyền, nên chưa thể tổ chức thi hành. Mặt khác, do số lượng vụ việc án quá nhiều, quá tải công việc cho chấp hành viên nên chưa thể tổ chức thi hành được, dẫn đến án tồn đọng.

Nguyên nhân về chủ quan là: Một số ít chấp hành viên yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ, không nắm vững đường lối chủ trương của Đảng,

pháp luật của Nhà nước, nghiệp vụ của ngành, kém bản lĩnh, nên không dám tổ chức thi hành vụ việc án khó khăn phức tạp; thiếu trách nhiệm, ngại khó khăn gian khổ, nặng tâm lý lo ngại đụng chạm, không chủ động tổ chức thi hành án, làm cho án tồn đọng.

3. Những giải pháp giải quyết việc thi hành án dân sự tồn đọng hiện nay

Từ việc xác định đúng đắn số lượng án tồn đọng thật sự: án dân sự tồn đọng do nguyên nhân khách quan, chủ quan tại mỗi cơ quan thi hành án và mỗi địa phương để có giải pháp tổ chức thi hành có hiệu quả, cần thiết phải có giải pháp căn bản lâu dài và giải pháp tạm thời trước mắt, đồng thời, cần phải tranh thủ được sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước và trực tiếp của ngành dọc cấp trên; thiết nghĩ, cần có các giải pháp căn bản là:

3.1. Xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi hành án dân sự

Tiến hành tổng rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thi hành của các ngành luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động cơ quan thi hành án dân sự để kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành trung ương bãi bỏ hoặc sửa đổi bổ sung hay ban hành mới văn bản thống nhất, phù hợp với hoạt động thi hành án dân sự trong giai đoạn hiện nay, có định hướng cho lâu dài.

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự theo hướng, miễn giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự phần thu về cho ngân sách nhà nước được áp dụng trong quá trình thi hành án mà xét thấy đối tượng phải thi hành có hoàn cảnh thật sự khó khăn về kinh tế đời sống, chưa có điều kiện thi hành; không quy định sau thời gian 3 năm hay 5 hoặc 10 năm kể từ ngày ra quyết định thi hành án như hiện nay.

Kèm theo quy định việc xét giảm, miễn nghĩa vụ thi hành án dân sự phải có cơ chế ràng buộc đối với vợ, chồng và con của những người được giảm, miễn thi hành án dân sự có giá trị lớn hơn 100 triệu đồng thì trong 10 hoặc 15 hay 20 năm sau không được sáng lập, hùn vốn lập doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, để phòng ngừa việc tẩu tán tài sản trước khi Tòa án xét xử, nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Cần qui định sau hai lần giảm giá mà không có người mua, nếu có một bên đương sự đồng ý nhận hoặc đồng ý giao, thì được cưỡng chế buộc giao hoặc yêu cầu người được thi hành án nhận để trừ tiền thi hành án.

Kiến nghị các bộ, ngành trung ương có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất thủ tục đăng ký cấp quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản kê biên bán đấu giá trong thi hành án dân sự là thủ tục riêng đặc biệt, không buộc phải kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu của tài sản bị cưỡng chế; không cần thiết có ký tên chuyển nhượng tài sản của chủ sở hữu tài sản bị cưỡng chế; thuế và các loại phí sang tên chuyển nhượng tài sản được trừ vào số tiền bán đấu giá tài sản kê biên thu được để nộp thuế thông qua tổ chức dịch vụ bán đấu giá nộp cho cơ quan thuế, người mua tài sản không phải nộp thuế.

3.2. Cần sớm kiện toàn tổ chức bộ máy; tăng cường số lượng biên chế cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ của các cơ quan thi hành án dân sự

Cơ cấu bộ máy tổ chức cơ quan thi hành án cấp tỉnh, cấp huyện cần xác định rõ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của từng phòng, từng bộ phận chuyên môn nghiệp vụ và từng chức danh công chức theo hướng chuyên môn hóa chuyên sâu nghiệp vụ thuần túy ở tầm vi mô để giúp cho công tác lãnh đạo quản lý điều hành được dễ dàng, thuận

lợi, có hiệu quả, không nên bao quát như hiện nay.

Biên chế cán bộ đủ mạnh về số lượng, vững vàng về chất lượng và cơ cấu các chức danh công chức chấp hành viên, thẩm tra viên, thư ký thi hành án và cán bộ văn phòng phù hợp với nhu cầu chuyên môn nghiệp vụ của từng cơ quan thi hành án. Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng thao tác chuyên môn; lãnh đạo điều hành chặt chẽ; phân cấp mạnh cho cơ quan thi hành án cấp tỉnh và huyện chủ động về biên chế cán bộ, tự chủ thật sự về tài chính trong quá trình hoạt động của cơ quan.

3.3. Tăng cường sự lãnh chỉ đạo của cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp đối với tổ chức hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự

Đã từ lâu, công tác thi hành án dân sự được xem như nhiệm vụ riêng có của cơ quan thi hành án dân sự do ngành dọc cấp trên chịu trách nhiệm; cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân một số địa phương rất ít khi quan tâm. Từ đó, vị trí và vị thế của cơ quan thi hành án dân sự rất hạn chế. Để từng bước xã hội hóa công tác thi hành án dân sự, cần có định hướng lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành chặt chẽ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; tăng cường công tác lãnh đạo quản lý điều hành hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn.

Trách nhiệm giải quyết án dân sự tồn đọng là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, cơ bản của Đảng và chính quyền các cấp, nhưng không làm thay cơ quan thi hành án; cần có quy định cụ thể Bí thư cấp ủy Đảng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng các ngành các cấp trong phạm vi lãnh đạo quản lý mà để án dân sự tồn đọng là chưa hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao; định hướng cơ cấu Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự là cấp ủy viên và đại biểu Hội đồng nhân

dân cùng cấp để nâng cao vị thế và vị trí của cơ quan thi hành án dân sự.

3.4. Xây dựng cơ chế phối hợp tổ chức thi hành án giữa cơ quan tư pháp, các tổ chức đoàn thể, mặt trận

Có cơ chế chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên của các cơ quan tư pháp trung ương, cơ quan tư pháp địa phương. Theo đó, cơ quan tư pháp địa phương có quy chế phối hợp, quy định trách nhiệm cụ thể, chi tiết nhiệm vụ của từng ngành, từng lĩnh vực hoạt động, kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thi hành án.

3.5. Xây dựng chế độ trách nhiệm đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, chấp hành viên, thẩm tra viên, kế toán và thư ký của cơ quan thi hành án

Ban hành chế độ trách nhiệm đối với Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án, chấp hành viên, thẩm tra viên, thư ký và kế toán thi hành án. Theo đó, trong một vài năm liên tục mà cá nhân, đơn vị, địa phương không hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ, thì miễn nhiệm chức vụ lãnh đạo, chức danh pháp lý, gia hạn thời gian nâng bậc lương.

Thực hiện chế độ trách nhiệm đi đôi với công tác thi đua khen thưởng, kịp thời động viên tinh thần, khuyến khích vật chất thỏa đáng; có chế độ đặc thù thu hút người vào làm việc cho Ngành Thi hành án; ban hành chế độ trách nhiệm phải đi đôi với việc ban hành những quy định thuộc về hành lang pháp lý bảo vệ trách nhiệm thi hành công vụ của cán bộ trong ngành; cho xây dựng Quỹ bồi thường rủi ro khi thi hành công vụ của công chức Ngành Thi hành án.

Với những giải pháp có tầm vĩ mô từ cấp trung ương, kết hợp với những giải pháp mang tầm vĩ mô từ địa phương, chúng ta hoàn toàn tin tưởng sẽ hạn chế tối đa, đến chấm dứt lượng án tồn đọng như hiện nay □